TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 3 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Bà Ngô hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Thành Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thân tộc hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thể chung sống được nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có 02 người con chung tên Phan Tường V, sinh năm 2012 và Phan Thảo V1, sinh năm 2013. Khi ly hôn chị H xin nuôi hai con. Việc cấp dưỡng không đặt ra.Hiên các con đa

Về tài sản chung và nợ: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Phan Thành Đ: Quá trình giải quyết vụ án anh Đ vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Phan Thành Đ đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm sống, chị H xác định không thể chung sống được, điều đó chứng tỏ đời sống chung đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan Thành Đ.

[3] Về con chung: Đối với hai cháu Tường V và Thảo V1, khi ly hôn chị H xin nuôi hai con, điều đó phù hợp với nguyện vọng hai cháu. Do đó, cần giao cháu Phan Tường V, sinh năm 2012 và Phan Thảo V1, sinh năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Ngọc H. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan Thành Đ

2. Về con chung: Giao hai cháu Phan Tường V, sinh năm 2012 và Phan Thảo V1, sinh năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Phan Thành Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 00021301 ngày 27/02/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phan Thành Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Tân Tiến;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến